

Bản án số: **92/2017/DS-PT**
Ngày: 25/7/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các thẩm phán:

Ông Lê Văn Quý

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm – Thẩm tra viên Tòa án tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2017/DS-PT ngày 03 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án sơ thẩm số 92/2016/DS-ST ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BH bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2017/QĐ-PT ngày 20/3/2017 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 219/2017/QĐ-PT ngày 26/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn Th** – sinh năm 1956

Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1959

Cùng cư trú: Số A, ấp B, xã C, huyện D, Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy H** – sinh năm 1973

Trú quán: Số E, Khu phố F, phường G, TP.BH, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền bị đơn: Anh Hoàng Xuân Th – sinh năm 1982, (theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2015)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Văn B - Luật sư Văn phòng Luật sư LPN thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Quốc H – sinh năm 1969 (chồng bà Nguyễn Thị Thúy H)

Nơi cư trú: Số H, Khu phố K, phường L, TP.BH, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: 1. Ông Trần Minh C – sinh năm 1961

2. Bà Vũ Thị V – sinh năm 1961

Cùng cư trú: Số M, Khu phố N, phường O, thành phố BH, Đồng Nai.

(Ông Th, bà L, ông Th, luật sư B, người làm chứng ông C có mặt, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và lời khai của các đương sự, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Thúy H là cháu ruột (gọi bằng dì) của bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn Th. Bắt đầu từ năm 2010, vợ chồng bà L cho bà H vay tiền nhiều lần và bà H đã trả đầy đủ. Từ ngày 13/10/2013 đến ngày 11/11/2013. Bà L, ông Th cho chị H vay nhiều lần với tổng số tiền là 5.700.000.000 (năm tỷ bảy trăm triệu), lãi suất thỏa thuận là 3,6%/tháng. Khi đưa tiền cho bà H, có lúc vợ chồng bà L đưa trực tiếp, có lúc điện thoại cho vợ chồng ông Trần Minh C và bà Vũ Thị V (ông C bà V cũng là người làm ăn với vợ chồng bà L) để vợ chồng ông C, bà V mang tiền đến đưa cho bà H. Việc cho vay và giao nhận tiền giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng, không làm giấy tờ. Ngày hẹn trả nợ là ngày 02/4/2014. Đến hạn, bà H chỉ trả cho bà L, ông Th 110.000.000đ. Số tiền bà H hiện còn nợ bà L, ông Th là 5.660.000.000đ. Nhiều lần bà L, ông Th yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không chịu trả mà cố tình lánh mặt. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà 3.800.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi là 1.178.000.000 đồng, tổng cộng 4.978.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H cho rằng không vay tiền của bà L, ông Th nên không chấp nhận trả nợ.

Người làm chứng ông Trần Minh C, bà Vũ Thị V khai: Bà L và ông Th đã nhiều lần nhờ ông, bà giao tiền cho bà Nguyễn Thị Thúy H, cụ thể như sau:

- Ngày 15/01/2013, ông bà giao cho bà H 500.000.000đ
- Ngày 18/3/2013, ông bà giao cho bà H 600.000.000đ
- Ngày 13/4/2013, ông bà giao cho bà H 750.000.000đ
- Ngày 22/4/2013, ông bà giao cho bà H 700.000.000đ
- Ngày 29/5/2013, ông bà giao cho bà H 250.000.000đ
- Ngày 24/6/2013, ông bà giao cho bà H 1.000.000.000đ

Tổng số tiền mà ông bà đã giao cho chị H là 3.800.000.000đ, mỗi lần giao tiền cho bà H không có giấy tờ gì.

- Tại bản án sơ thẩm số 92 ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BH đã căn cứ các Điều 16, Điều 35, 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 và Khoản 2 điều 227, Điều 228 BLTTDS; các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2015, Pháp lệnh số 10/2009/PL của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Th và bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thúy H.

Về án phí: Ông Th, bà L phải chịu 112.978.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.371.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

- Ngày 17/8/2016, bà L, ông Th có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, đề nghị Tòa án tỉnh sửa án sơ thẩm, buộc bà H trả cho ông bà số tiền 5.210.750.000, trong

đó nợ gốc 3.800.000.000 và lãi suất (tính đến ngày thụ lý phúc thẩm) là 1.410.750.000, đồng.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Việc nguyên đơn nộp đơn khởi kiện không đầy đủ cơ sở pháp lý vì không có đủ tài liệu chứng cứ cho việc vay mượn tiền. Bị đơn đã khẳng định không vay tiền là hợp lý, số tiền cho vay lớn nhưng không có chứng từ; tư cách người làm chứng có trong đơn khởi kiện là bất hợp lý mà người làm chứng còn nhớ rõ từng đợt vay tiền. Người làm chứng khi thì lấy tiền từ phía nguyên đơn, nhưng sau đó lại cho rằng lấy tiền của mình để hưởng chênh lệch. Việc làm chứng này là không khách quan. Bị đơn khẳng định là không vay mượn và không trốn tránh. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: bà L, ông Th khởi kiện yêu cầu bà H trả cho ông bà 3.800.000.000 đồng tiền vốn và 1.178.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 4.978.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữa nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí: Bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí, đề nghị xem xét chấp nhận. Về kiến nghị: yêu cầu tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của bà L, ông Th làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

1.Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đầy đủ tư cách tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc xét xử vắng mặt bà H, ông H đảm bảo các căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt.

2. Về quan hệ pháp luật: Vợ chồng bà L ông Th khởi kiện yêu cầu Bà H thanh toán tiền vay và tiền lãi, nên xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng pháp luật.

3. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị L: ông Th bà L cho rằng từ ngày từ 13/10 đến 11/11/2013, thông qua trung gian là ông C, bà V đã đưa cho bà H số tiền 3.800.000.000, việc này bị đơn không thừa nhận. Bà L, ông

Th có đưa ra nhân chứng là ông C, bà V, là những người nhiều lần đưa trực tiếp số tiền 3.800.000 đồng (ba tỷ tám trăm triệu) cho bà H, nhưng việc giao nhận tiền giữa ông C, bà V cũng không có sổ sách, giấy tờ. Theo nguyên đơn, tiền đưa cho bị đơn là tiền vay, đưa nhiều lần, số tiền giao dịch lớn nhưng không có giấy tờ sổ sách để chứng minh; địa điểm và thời gian giao nhận cũng không ai biết và nhìn thấy. Ngoài nhân chứng là vợ chồng ông C bà V (là người cùng làm ăn với bà L, ông Th) cho rằng đã nhiều lần đưa số tiền 3.800.000.000 đồng cho bà H, thì phía nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh đã đưa cho bà H 3.800.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà L, ông Th yêu cầu bà H trả 4.978.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố BH tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

4. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: do yêu cầu của bà L, ông Th không được chấp nhận nên ông, bà phải chịu án phí có giá ngạch là 112.978.000 đồng. Tuy nhiên, ông Th sinh năm 1956 là người cao tuổi, ngày 27/6/2017, ông Th có đơn xin miễn án phí (Bà sinh năm 1959 không thuộc trường hợp được miễn án phí). Căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xét chấp nhận giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho nguyên đơn. Như vậy sửa án sơ thẩm về án phí, bà L, ông Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 56.494.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.371.000 đồng, nguyên đơn được nhận lại 877.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của bà L ông Th không được chấp nhận nên ông, bà phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000 đồng (vụ án thụ lý ngày 03/11/2016 nên áp dụng pháp lệnh số 10/PL về án phí, lệ phí Tòa án). Tuy nhiên ông Th (chồng bà L) là người cao tuổi nên giảm $\frac{1}{2}$ án phí phúc thẩm cho nguyên đơn là 100.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 100.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

-Ý kiến đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 26, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 92 ngày 18/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố BH về phần án phí; Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL của UBTVQH, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Th, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy H thanh toán số tiền vốn và lãi là 4.978.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm là 56.494.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 57.371.000đ theo biên lai thu số 002921 ngày 20/10/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự TP.BH, bà L được nhận lại 877.000 đồng (Tám trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí phúc thẩm là 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007617 ngày 17/8/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự TP.BH, bà L được nhận lại 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp BH;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp BH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Kim Rết